

Bản án số: 659/2019/HSPT
Ngày 24/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Thái Duy Nhiệm;
+ Ông Nguyễn Xuân Phách;
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 580/2019/TLPTH ngày 29 tháng 7 năm 2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HSST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn L, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn LD, xã TP, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 12/12; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt từ ngày 24/4/2018, đến ngày 19/9/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 2, phường LG, quận KX, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: nguyên là giáo viên Trường THCS Trần Hưng Đạo, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa phổ thông: 12/12; con ông Nguyễn Xuân Vàng và bà NDH; chồng là ÁNU và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/4/2018, đến ngày 21/9/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Thị Ng, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn LS, xã SX, huyện CL, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: Số 3B/67 đường ÁL, phường TG, quận SH, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp:

nguyên là Phóng viên báo Kinh doanh và Pháp luật; trình độ văn hóa phổ thông: 12/12; con ông DC và bà SL; chồng là TK và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2018; có mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hải Phòng phát hiện thấy có dấu hiệu của hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của một số đối tượng để vay vốn theo dạng tín chấp tại các Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (tên giao dịch là SeaBank) và Ngân hàng TMCP Quân Đội. Căn cứ theo kết quả xác minh, Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc và nơi ở của Phạm Văn L tại số 274 đường Trại Lẻ và số 27/119 đường Trại Lẻ, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Kết quả thu giữ của L 36 hợp đồng lao động, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của Ngô Văn Tấn và Trần Thị Nga, 167.690.000 đồng, 05 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, 03 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 02 máy tính xách tay, 03 sổ tay. Tiến hành kiểm tra máy tính xách tay và điện thoại của L, Cơ quan điều tra thu giữ được nhiều mẫu dấu tròn, dấu chức danh của nhiều công ty.

Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã trưng cầu giám định đối với tài liệu thu giữ của Phạm Văn L và một số hồ sơ của Ngân hàng giao nộp. Tại các Kết luận giám định số 38/KL-GĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018; số 10/KL-GĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018; số 57/KL-GĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và số 68/KL-GĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 kết luận về các tài liệu trưng cầu giám định đã bị làm giả, trong đó một số bị làm giả dấu tròn, dấu chức danh, chữ ký; một số bị làm giả về chữ ký; một số được viết bằng mực bay màu rồi sau đó tẩy chữ viết lại...Quá trình điều tra, Phạm Văn L khai đã làm giả con dấu, tài liệu cho các nhóm đối tượng vay tiền ngân hàng như sau:

1. Làm tài liệu giả mạo giáo viên trường THCS Trần Hưng Đạo để vay tiền Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng TMCP Đông Á:

Khoảng tháng 7 năm 2017, L đã làm tài liệu giả để lập 06 hồ sơ cho Nguyễn Thị Hồng T, Vũ Thị T4, sinh năm 1972, chỗ ở: 48/373 đường Ngô Gia Tự, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Chí Phương, sinh năm 1987, chỗ ở: tổ 24 phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Hoàng Văn Duy, sinh năm 1976, chỗ ở: xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng để các đối tượng trên vay tiền tại Ngân hàng TMCP Quân

Đội và Ngân hàng TMCP Đông Á với tư cách giáo viên trường THCS Trần Hưng Đạo (T và Duy chỉ làm hồ sơ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội).

L đã làm giả 11 con dấu, tài liệu giả của Cơ quan tổ chức trong 06 hồ sơ vay vốn ngân hàng gồm: 02 Thỏa thuận hợp tác (thỏa thuận liên kết) giữa Ngân hàng với trường THCS Trần Hưng Đạo; 01 Danh sách cán bộ nhân viên đề nghị vay vốn; 08 Đề nghị vay vốn kiêm cam kết trả nợ (phương án trả nợ) và xác nhận của đơn vị quản lý (tại Ngân hàng TMCP Quân Đội). Các tài liệu trên được làm giả cả nội dung và con dấu, chữ ký.

Để làm giả các tài liệu, T đã cung cấp cho L mẫu dấu tròn và dấu chức danh của trường và Hiệu trưởng trường THCS Trần Hưng Đạo. Sau đó L liên hệ với một đối tượng quen qua mạng xã hội, tên Minh (L không biết lý lịch, địa chỉ, chỉ biết là ở thành phố Hồ Chí Minh). L thuê Minh làm các tài liệu như đã nêu trên có in dấu tròn và dấu chức danh của Trường và Hiệu trưởng trường THCS Trần Hưng Đạo. L chuyển mẫu văn bản, mẫu dấu và tiền cho Minh, Minh chuyển lại tài liệu cho L thông qua xe khách tại bến xe Niệm Nghĩa. Sau khi có tài liệu, L đã đưa lại cho những người làm hồ sơ vay tiền điền thông tin cá nhân (tên, tuổi, địa chỉ...), sau đó ký giả chữ ký của Hiệu trưởng trường THCS Trần Hưng Đạo nộp cho Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng TMCP Đông Á và đã được cho vay tiền đối với các hồ sơ trên. L đã thuê Minh làm giả 11 tài liệu cho 06 hồ sơ nêu trên. L đã nhận của Tuyên, Phương và Duy 70.000.000 đồng tiền công.

2. Làm tài liệu giả mạo giáo viên trường tiểu học Quang Trung để vay tiền Ngân hàng TMCP Đông Á:

Cũng trong tháng 7 năm 2017, L đã làm tài liệu giả để lập hồ sơ cho 04 người gồm Phạm Thị Tim, sinh năm 1977, chỗ ở: phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Lê Thị Bích Mận, sinh năm 1980, chỗ ở: phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; Lê Thị Vui, sinh năm 1984, chỗ ở: phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Doãn Thị Tuyết Thanh, sinh năm 1980, chỗ ở: số 9/183 đường Đình Đông, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đông Á với tư cách giáo viên trường học Quang Trung.

L đã làm giả 06 con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức trong 04 hồ sơ vay tiền ngân hàng, gồm: 01 Thỏa thuận liên kết, 04 Đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, 01 Quyết định nâng lương. Các tài liệu trên bị làm giả nội dung và con dấu, chữ ký của Trường Tiểu học Quang Trung.

Để làm giả các tài liệu này, L đã sử dụng mẫu dấu tròn và mẫu chức danh của trường và Hiệu trưởng trường tiểu học Quang Trung là bà Phạm Thị Bích

Ngân do Phạm Thị Tim cung cấp cho L. Sau đó L lại thuê Minh làm giả như những hồ sơ trước sau đó hoàn thiện nộp Ngân hàng. Như vậy, với 04 hồ sơ này, L đã làm giả 06 tài liệu và được Ngân hàng TMCP Đông Á đã giải ngân tổng số tiền 390.000.000 đồng. L được Tim, Vui, Thanh trả cho 24.000.000 đồng tiền công.

3. Làm tài liệu giả mạo những người có hợp đồng lao động và đang sử dụng sim Mobile để vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, L đã làm giả 36 hồ sơ để vay tiền theo diện vay dành cho người sử dụng Sim Mobile Phone của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Các tài liệu làm giả gồm 36 hợp đồng lao động, bị giả con dấu, chữ ký của các doanh nghiệp.

Để làm giả các hợp đồng trên, thời gian đầu, L thuê Minh làm giả các hợp đồng lao động có không dấu tròn và dấu chức danh của Giám đốc các Công ty mà L đã thu thập được. Sau khi nhận được tài liệu giả, L cho những người vay tiền ký vào mục Người lao động rồi hoàn thiện hồ sơ nộp Ngân hàng. Sau này, L đã tự in màu giả dấu tròn và dấu chức danh của Giám đốc các Công ty.

Trong số 36 hồ sơ làm giả trên, có 03 hồ sơ của những người gồm Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh năm 1987, chỗ ở: thôn Do Nha, xã Tân Tiến, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Trần Hữu Tú, sinh năm 1995, chỗ ở: thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Duy Hệ, sinh năm 1990, chỗ ở: thôn Đoàn Dững, xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng được Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chấp nhận giải ngân tổng số 150.000.000 đồng vào khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 4 năm 2018. Đối với 03 hồ sơ này, L đã làm giả 03 tài liệu là hợp đồng lao động và được trả công 22.500.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, Phạm Văn L đã nhiều lần làm giả với tổng số 52 tài liệu của các cơ quan, tổ chức (do có 01 Hợp đồng lao động là bản phô tô nên không tính là tài liệu giả) cho 46 hồ sơ vay vốn tại nhiều Ngân hàng và đã được các Ngân hàng chấp nhận, giải ngân 13 hồ sơ.

Về thu lời trong việc làm giả tài liệu của Cơ quan tổ chức, L thu được tổng số 120.500.000 đồng tiền công, sau đó đã phải chi phí cho việc làm giả hồ sơ vay vốn và trả lại cho những người đã thuê L làm hồ sơ vay tiền do bị Ngân hàng phát hiện việc làm giả tài liệu tổng số 85.700.000 đồng. Cụ thể như sau: Khi nhờ Minh làm tài liệu giả L phải trả 700.000 đồng/1 tài liệu x 31 tài liệu giả = 21.700.000 đồng; đồng thời L phải bồi dưỡng T 25.000.000 đồng do T đã giới thiệu khách

(Tuyển, Phương) cho L; sau đó khi việc làm hồ sơ giả bị phát hiện L đã trả lại cho Tuyển 8.000.000 đồng, trả lại Phương 12.000.000 đồng, trả lại Tim 11.000.000 đồng, nhờ Mận trả Thanh 8.000.000 đồng.

Như vậy, Phạm Văn L đã thu lợi bất chính 112.500.000 đồng. Quá trình điều tra, L đã tự nguyện nộp 42.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Đối với Nguyễn Thị Hồng T, đã khai nhận:

Cùng với Phạm Văn L, làm giả 11 con dấu, tài liệu của trường THCS Trần Hưng Đạo để làm 06 hồ sơ vay tiền của Ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng TMCP Đông Á, về việc làm giả con dấu, tài liệu của trường THCS Trần Hưng Đạo; cùng Đỗ Thị Ng làm giả con dấu, tài liệu cho một số trường hợp giả mạo giáo viên trường THCS Trần Hưng Đạo vay tiền của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank), cụ thể như sau: T quen Ng do Ng là phụ huynh học sinh trong lớp của T chủ nhiệm và đã từng giúp T vay tiền ngân hàng. Khoảng tháng 12 năm 2015, Ng nhờ T làm hộ một giấy xác nhận mức lương không bằng cách T sử dụng bút bay màu mực do Ng đưa viết thông tin của T vào Đơn xin xác nhận mức lương và xin xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường, rồi đưa cho Ng, Ng làm bay màu mực trên giấy xác nhận và viết tên người khác giả mạo giáo viên của trường để làm hồ sơ vay tiền (sau này T biết tờ đơn trên được sử dụng trong hồ sơ vay tiền của Đặng Phi L, sinh năm 1978, chỗ ở: số 7/86 đường Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng).

Đối với 02 trường hợp khác bao gồm Đào Thị Thu Huyền, sinh năm 1980, chỗ ở: 38/48 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Hoàng Thị Tĩnh, sinh năm 1968, chỗ ở: số 15 lô 2 tập thể công nhân An Dương, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, T không tham gia cùng Ng làm giả các tài liệu trong hồ sơ nhưng được Ng nhờ mang các hồ sơ trên đến giao cho nhân viên của Ngân hàng SeaBank và hướng dẫn những người trên viết vào tờ khai khi giải ngân tiền tại Ngân hàng. Ng còn nói với T khi có nhân viên ngân hàng xác minh qua T thì T nhận những người có tên trong các hồ sơ trên là giáo viên của trường THCS Trần Hưng Đạo.

Ngoài ra, T còn khai do được Ng nhờ nên T đã trực tiếp viết nội dung vào 02 tài liệu gồm Đơn xin xác nhận mức lương và Giấy ủy quyền trong hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Seabank của Vũ Thị Bảy, sinh năm 1964, chỗ ở: tổ Khúc Trì 3, phường Ng Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Như vậy, T đã tham gia làm 04 hồ sơ với 08 tài liệu giả, gồm các giấy ủy quyền và đơn xin xác nhận mức lương được làm giả về nội dung.

Sau khi giúp Đỗ Thị Ng như trên, T đã được Ng cho tổng số tiền 6.000.000 đồng.

Nhóm thứ 3, T tự làm giả tài liệu cho bản thân T và một số đối tượng khác, giả mạo giáo viên trường THCS Trần Hưng Đạo vay tiền của các Ngân hàng: trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 7 năm 2017, T đã làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để làm hồ sơ vay tiền ngân hàng cho các trường hợp như sau:

Làm giả con dấu, tài liệu của Trường THCS Trần Hưng Đạo để làm hồ sơ cho bản thân T vay tiền tại Ngân hàng dầu khí Petrolimex và được Ngân hàng giải ngân số tiền 150.000.000 đồng, làm hồ sơ cho Nguyễn Thị Ng Bích, sinh năm 1986, chỗ ở: số 40/649 đường Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (em gái T) và Phạm Thị Thanh Thúy, sinh năm 1988, chỗ ở: số 395A, đường Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội và đã được giải ngân 200.000.000 đồng (Thúy đã trả cho T 2.000.000 đồng), Tô Thị Thu Hà, sinh năm 1987, chỗ ở: số 9/24/241 đường Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; Bùi Văn Tùng, sinh năm 1986, chỗ ở: tổ 15 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Đoàn Việt Quang, sinh năm 1973, chỗ ở: số 246 Hoàng Công Khanh, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Lương Thanh Thủy, sinh năm 1962, chỗ ở: số 8/24/241 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; Bùi Mạnh Cường, sinh năm 1983, chỗ ở: số 63/275 đường Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và Phạm Thị Thu Hạnh, sinh năm 1982, chỗ ở: số 12/7 đường vòng Cầu Niệm, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, mạo danh là giáo viên trường THCS Trần Hưng Đạo để vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Nguyễn Thị Ng Bích (là em gái của T - làm giả hồ sơ lần thứ hai); Vũ Thị T4 (là người đã nhờ T giới thiệu cho L vay tiền của Ngân hàng TMCP Quân Đội); Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1975, chỗ ở: số 12 đường Lý Hồng Nhật, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thị Tuyết Lan, sinh năm 1982, chỗ ở: số 6 lô 1 tập thể Trạm điện, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Trịnh Thị Khương, sinh năm 1965, chỗ ở: tổ 24, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Lê Thị Minh Hường, sinh năm 1982, chỗ ở: số 5/11 đường Thiên Lôi, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Trịnh Thị Sâm, sinh năm 1963, chỗ ở: tổ 13, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Phạm Thị Thanh Thúy, sinh năm 1988, chỗ ở: số 395A, đường Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (lần 2); Vũ Thị Yên, sinh năm 1984, chỗ ở: tổ 20 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. 09 hồ

sơ đã được Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt chấp nhận, giải ngân tổng số 1.920.000.000 đồng, hồ sơ mang tên Phan Thị Thu Hằng, sinh năm 1976, chỗ ở: tổ 14, cụm 4, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, vay của SeaBank 99.000.000 đồng. Hồ sơ mang tên Nguyễn Thị Ng Bích (là em gái của T - làm giả hồ sơ lần thứ 3), Nguyễn Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1979, chỗ ở: tổ 4 đường Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, Tô Thị Thu Hà, sinh năm 1987, chỗ ở: 9/24/241 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vay của Ngân hàng SeaBank 270.000.000 đồng.

Tổng số T đã làm 51 tài liệu giả của Cơ quan tổ chức trong 23 hồ sơ để T và nhiều người khác vay tiền của các Ngân hàng, gồm: 04 Đơn xin xác nhận mức lương và 04 Giấy ủy quyền (giả về nội dung); 07 Đơn xin xác nhận; 01 cam kết trả nợ; 08 Danh sách lĩnh tiền dạy thêm hàng tháng; 02 Đề nghị vay vốn kiêm cam kết trả nợ; 14 Đơn xin xác nhận là giáo viên của trường; 10 Danh sách thanh toán lương; 01 sổ phụ khách hàng (giả nội dung và con dấu chữ ký).

Để làm giả tài liệu, T đã cung cấp cho các đối tượng làm giả con dấu, tài liệu gồm 01 đối tượng (không rõ tên và địa chỉ) do Phạm Văn L giới thiệu, Nguyễn Văn Phương, sinh năm 1987, chỗ ở: xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và 01 đối tượng tên Khang (không rõ lai lịch địa chỉ) mẫu dấu tròn, dấu chức danh của trường và Hiệu trưởng trường THCS Trần Hưng Đạo, các đối tượng trên làm không các tài liệu (chỉ có dấu tròn và dấu chức danh) rồi chuyển lại cho T. Sau đó điền thông tin của từng người và lập hồ sơ vay vốn Ngân hàng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 10 năm 2017, Nguyễn Thị Hồng T đã tham gia làm giả 70 con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức trong tổng số 33 hồ sơ, thu lợi bất chính tổng số 38.500.000 đồng.

Đối với Đỗ Thị Ng, thừa nhận viết giả về nội dung thông tin của 08 người vào 15 tài liệu trong 08 hồ sơ vay tiền của họ với danh nghĩa là nghĩa là giáo viên trường THCS Trần Hưng Đạo mặc dù họ không phải là giáo viên của trường, gồm có các trường hợp Phạm Thị Tho, Hoàng Thị Tĩnh, Lê Thu Hoài, Đặng Phi L, Trịnh Thị Khương, Vũ Phong, Vũ Thị Yên và Đỗ Thanh Huyền.

Ng không thừa nhận làm giả các tài liệu của cơ quan tổ chức trong các hồ sơ vay tiền khác như Nguyễn Thị Hồng T và các đối tượng có liên quan khai. Mặc dù Ng không thừa nhận, nhưng căn cứ vào lời khai của của Nguyễn Thị Hồng T, lời khai của những người liên quan, kết quả đối chất giữa Ng với T, đối chất giữa Ng với những người đã được Ng làm giả tài liệu, lập hồ sơ vay tiền, căn

cứ Kết quả giám định về chữ viết trong các tài liệu làm giả và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng tháng 12 năm 2015, Đỗ Thị Ng đã làm hồ sơ cho 12 người mạo danh là giáo viên của trường THCS Trần Hưng Đạo để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (tên giao dịch là SeaBank) bằng hình thức vay tín chấp gồm Phạm Thị Tho, sinh năm 1974, chỗ ở: số 3/128 đường Đồng Lập, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Hoàng Thị Tĩnh, sinh năm 1968, chỗ ở: số 15 lô 2 tập thể công nhân An Dương, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Lê Thu Hoài, sinh năm 1964, chỗ ở: số 375 đường Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Đặng Phi L, sinh năm 1978, chỗ ở: số 7/86 đường Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Trịnh Thị Khương, sinh năm 1965, chỗ ở: tổ 24 phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Vũ Phong, sinh năm 1981, chỗ ở: số 6/16/76 đường Ngô Gia Tự, khu E2, phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Vũ Thị Yến, sinh năm 1984, chỗ ở: tổ 20 phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Đỗ Thanh Huyền, sinh năm 1986, chỗ ở: tổ 26, khu 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Đào Thị Thu Huyền, sinh năm 1980, chỗ ở: 38/48 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Hoàng Thị Thu Hiền, sinh năm 1987, chỗ ở: 29/342 Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Phạm Thị Thanh Thúy, sinh năm 1988, chỗ ở: 33/56 Đình Đông, phường Đông Hải 1, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1977, chỗ ở: số 3/48/50 đường Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trong đó, Ng đã trực tiếp viết vào tài liệu của 08 hồ sơ gồm Phạm Thị Tho, Hoàng Thị Tĩnh, Lê Thu Hoài, Đặng Phi L, Trịnh Thị Khương, Vũ Phong, Vũ Thị Yến và Đỗ Thanh Huyền. Đối với 04 trường hợp còn lại, Ng đã hướng dẫn để những người này viết trực tiếp vào tài liệu trong hồ sơ. Về cách thức, các hồ sơ đều được làm giả tài liệu đối với Đơn xin xác nhận mức lương và Giấy ủy quyền.

Khi làm hồ sơ để 12 người nêu trên vay tiền tại SeaBank, Ng đều thống nhất mức tiền công phải trả cho Ng là 30% số tiền vay được. Trừ một số trường hợp do là người quen của Ng, hoặc có quan hệ đặc biệt thì Ng sẽ giảm số tiền công xuống dưới mức 30%. Theo những 12 người nêu trên khai báo, số tiền vay được của SeaBank và số tiền đã phải trả công cho Ng được xác định cụ thể như sau: Phạm Thị Tho được Seabank giải ngân 90.000.000 đồng, trả cho Ng 30.000.000 đồng; Hoàng Thị Tĩnh được Seabank giải ngân 90.000.000 đồng, trả cho Ng 30.000.000 đồng; Lê Thu Hoài được Seabank giải ngân 70.000.000 đồng, trả cho Ng 22.000.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng chi phí làm hồ sơ và lệ phí

2.000.000 đồng); Đặng Phi L được Seabank giải ngân 90.000.000 đồng, trả cho Ng 25.000.000 đồng; Trịnh Thị Khương được Seabank giải ngân 70.000.000 đồng, trả cho Ng 20.000.000 đồng; Vũ Phong được Seabank giải ngân 99.000.000 đồng, trả cho Ng 30.000.000 đồng; Vũ Thị Yến được Seabank giải ngân 90.000.000 đồng, trả cho Ng 27.000.000 đồng; Đỗ Thanh Huyền được Seabank giải ngân 90.000.000 đồng, trả cho Ng 30.000.000 đồng; Đào Thị Thu Huyền được Seabank giải ngân 90.000.000 đồng, trả cho Ng 27.000.000 đồng; Hoàng Thị Thu Hiền được Seabank giải ngân 60.000.000 đồng, trả cho Ng 18.000.000 đồng; Phạm Thị Thanh Thúy được Seabank giải ngân 60.000.000 đồng, trả cho Ng 18.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thúy được Seabank giải ngân 90.000.000 đồng, trả cho Ng 25.000.000 đồng. Như vậy, 12 người nêu trên trả công cho Ng với tổng số tiền là 302.000.000 đồng. Theo Nguyễn Thị Hồng T khai, Ng đã cho T 2.000.000 đồng tiền mặt và trừ cho T 4.000.000 đồng tiền của T nợ Ng vì đã giúp sức cho Ng đối với một số hồ sơ. Mặc dù Ng không thừa nhận nhưng căn cứ vào lời khai của T, theo nguyên tắc có lợi cho bị can thì có đủ căn cứ trừ cho Ng 6.000.000 đồng trong số tiền mà Ng đã thu lời bất chính. Như vậy, số tiền mà Ng đã hưởng lợi bất chính là 302.000.000 đồng – 6.000.000 đồng = 296.000.000 đồng.

Tổng số Đỗ Thị Ng đã làm giả 23 tài liệu của cơ quan tổ chức trong 12 hồ sơ vay tiền gồm: 12 Giấy ủy quyền; 11 Đơn xin xác nhận mức lương. Các tài liệu trên bị làm giả về nội dung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HS-ST ngày 14/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xử:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn L 36 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Thời hạn chấp hành tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. (được trừ thời gian tạm giam).

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015), điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 30 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Thời hạn chấp hành tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. (được trừ thời gian đã tạm giam).

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015), điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Thị Ng 30 tháng tù về tội “Làm giả con

dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” . Thời hạn chấp hành tù tính kể từ ngày tạm giam 12/9/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2019, Nguyễn Thị Hồng T kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 25/6/2019 Phạm Văn L và Đỗ Thị Ng kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho bị cáo được giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và ý kiến tranh luận của bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cơ bản đã thừa nhận toàn bộ hành vi như cấp sơ thẩm đã xác định. Những lời khai nhận của các bị cáo đều thống nhất, phù hợp trong suốt quá trình điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, Phạm Văn L đã làm giả tổng số 52 tài liệu của các cơ quan, tổ chức, trong đó đã sử dụng 49 tài liệu có 41 hồ sơ để vay tiền của Ngân hàng và sử dụng 03 tài liệu trong 3 hồ sơ để vay tiền của Ngân hàng vào khoảng từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 4 năm 2018, thu lợi bất chính 112.500.000 đồng. Cũng với hành vi tương tự, trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 10 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã trực tiếp và tham gia làm giả 70 con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức trong tổng số 33 hồ sơ để vay tiền của Ngân hàng. Bị cáo Đỗ Thị Ng đã làm giả 23 tài liệu của cơ quan tổ chức trong 12 hồ sơ vay tiền. Vì vậy các bị cáo bị cấp sơ thẩm quy kết về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vụ án có đồng phạm, theo đó đã có sự phân hóa vai trò của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng ; đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, theo đó xác định:

1. Đối với bị cáo Phạm Văn L : Bị cáo không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, đã tự nguyện khắc phục hậu quả; có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Xét các tình tiết giảm nhẹ

nhẹ này theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T : Bị cáo có nhân thân tốt; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo , ăn năn hối cải . Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 30 tháng tù cũng là phù hợp.

3. Đối với bị cáo Đỗ Thị Ng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo , tỏ ra ăn năn hối cải ; sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 36.300.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 30 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, bị cáo Đỗ Thị Ng làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức ít nhất trong số đồng phạm; trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo lại tiếp tục khắc phục hậu quả 100.000.000 đồng (Theo Biên lai thu tiền số 0000339 ngày 08/10/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). Với lý do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa phúc thẩm có thêm tình tiết mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo có đơn kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L và Nguyễn Thị Hồng T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Ng; sửa bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015), điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn L 36 (Ba sáu) tháng tù** về tội “Làm giả con dấu , tài liệu của cơ quan tổ chức” . Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án . (Được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 24/4/2018 đến ngày 19/9/2018).

Xác nhận bị cáo Phạm Văn L trước khi xét xử phúc thẩm đã nộp số tiền 62.700.000 đồng (gồm 62.500.000 đồng tiền thu lời bất chính và 200.000 đồng

án phí hình sự sơ thẩm) theo Biên lai thu tiền số 0000248 ngày 24/7/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015), điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hồng T 30 (ba mươi) tháng tù** về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. (Được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 21/9/2018).

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015), điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Ng 18 (Mười tám) tháng tù** về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Thời hạn chấp hành tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2018.

4. Các bị cáo Phạm Văn L và Nguyễn Thị Hồng T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc